

TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ VỊ THANH
TỈNH HẬU GIANG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 37 /2024/HNGĐ-ST

Ngày: 29 - 01- 2024

V/v Tranh chấp ly hôn, nuôi con,
chia tài sản khi ly hôn và Hợp đồng
vay tài sản

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ VỊ THANH, TỈNH HẬU GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Phương

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Phạm Kim Ngọc

2. Bà Lý Thị Thu Thúy

- Thư ký phiên tòa: Ông Lý Sơn Thanh Phong là Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Vị Thanh, tỉnh Hậu Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Vị Thanh: Bà Nguyễn Thị Lương - Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 01 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Vị Thanh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 190/2023/TLST-HNGĐ ngày 11 tháng 10 năm 2023 về “tranh chấp ly hôn, nuôi con, chia tài sản khi ly hôn và hợp đồng vay tài sản” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 89/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 18 tháng 12 năm 2023 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 04/2024/QĐST-HNGĐ ngày 05 tháng 01 năm 2024, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà **Ngô Thị N**, sinh năm 1986.

Địa chỉ: **khu V, phường I, thành phố V, tỉnh Hậu Giang.**

- Bị đơn: Ông **Phạm Văn R**, sinh năm 1977.

Địa chỉ: **khu V, phường I, thành phố V, tỉnh Hậu Giang.**

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1. **Huỳnh Thị T**, sinh năm 1951.

Địa chỉ: **khu vực 2, phường I, thành phố V, tỉnh Hậu Giang.**

2. Ông **Phạm Văn S**, sinh năm 1972.

Địa chỉ: **Khu V, phường I, thành phố V, tỉnh Hậu Giang.**

Nguyên đơn bà **N** có mặt, bị đơn ông **R** có mặt, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan bà **T**, ông **S** vắng mặt tại phiên tòa.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai và các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án:

Nguyên đơn bà Ngô Thị N trình bày: Bà và ông **Phạm Văn R** có đăng ký kết hôn theo quy định pháp luật tại Ủy ban nhân dân phường V, thành phố V, tỉnh Hậu Giang vào ngày 17 tháng 06 năm 2005. Thời gian đầu vợ chồng chung sống hạnh phúc nhưng về sau phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống, không thể hòa hợp, thường xuyên xảy ra cự cãi. Ông **R** thường xuyên đi nhậu về là vợ chồng cự cãi, xô xát với nhau. Nay bà không còn tình cảm với ông **R** và không thể hàn gắn, nên yêu cầu Tòa án giải quyết cho bà ly hôn với ông **R**.

- Về con chung: Có 02 con chung **Phạm Ngọc D** (giới tính: Nữ), sinh ngày 27/4/2005 (đã trưởng thành) và **Phạm Quốc M** (giới tính: Nam), sinh ngày 27/8/2011. Khi ly hôn, con theo ai thì người đó nuôi dưỡng và không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung: Vợ chồng có tạo lập được khối tài sản chung là phần đất diện tích 5.545m², thuộc thửa số 20, tờ bản đồ số 26, tọa lạc **ấp H, xã H, huyện G, tỉnh Kiên Giang**; và phần đất diện tích 705,4m², thuộc thửa 21, tờ bản đồ số 26, tọa lạc **ấp H, xã H, huyện G, tỉnh Kiên Giang**. Khi ly hôn, bà **N** yêu cầu chia ½ tài sản chung. Tại đơn rút một phần yêu cầu khởi kiện ngày 15/11/2023, bà **N** rút lại toàn bộ yêu cầu chia tài sản chung, do vợ chồng bà tự thỏa thuận với nhau không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về nợ chung: Bà và ông **R** có cùng vay của mẹ chồng bà **Huỳnh Thị T** vào năm 2020, số tiền 200.000.000 đồng và 10 chỉ vàng 24k loại 9999 và vay của anh chồng **Phạm Văn S** số tiền 100.000.000 đồng vào năm 2020. Mục đích vay tiền, vàng để mua đất và tạo lập cuộc sống gia đình. Nay ly hôn, bà yêu cầu bà và ông **R** mỗi người có nghĩa vụ trả ½ nợ chung.

Bị đơn ông Phạm Văn R trình bày: Ông thống nhất về quan hệ hôn nhân như bà **N** trình bày. Tuy nhiên, trong quá trình chung sống vợ chồng có phát sinh mâu thuẫn nhưng chỉ là mâu thuẫn nhỏ trong gia đình; ông biết bà **N** có tình cảm khác nhưng ông đồng ý tha thứ tất cả để vợ chồng đoàn tụ, cùng nhau nuôi dạy các con. Nay ông không đồng ý ly hôn vì còn thương vợ con.

- Về con chung: Có 02 con chung **Phạm Ngọc D** (giới tính: Nữ), sinh ngày 27/4/2005 (đã trưởng thành) và **Phạm Quốc M** (giới tính: Nam), sinh ngày 27/8/2011. Nếu phải ly hôn, thì tùy theo nguyện vọng của các con theo ai thì người đó nuôi dưỡng, không cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung: Vợ chồng có tạo lập được khối tài sản trên như bà **N** trình bày. Ông, bà sẽ tự thỏa thuận với nhau, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về nợ chung: Ông thống nhất với ý kiến của bà **N**, ông và bà **N** có vay của mẹ ruột bà **Huỳnh Thị T** vào năm 2020, số tiền 200.000.000 đồng và 10 chỉ vàng 24k loại 9999 và vay của ông **Phạm Văn S** số tiền 100.000.000 đồng. Nay trong vụ

án ly hôn, bà **T** và ông **S** chưa có yêu cầu ông, bà trả nợ nên các bên sẽ tự thỏa thuận với nhau, không yêu cầu Tòa án giải quyết. Nếu có tranh chấp sẽ giải quyết thành vụ án khác.

Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:

- Bà **Huỳnh Thị T** trình bày: Bà là mẹ ruột của ông **Phạm Văn R** và mẹ chồng bà **Ngô Thị N**. Vào năm 2020, bà có cho bà **N** và ông **R** vay số tiền 200.000.0000 đồng và 10 chỉ vàng 24k loại 9999, để các con mua đất canh tác làm ăn. Do là người thân trong gia đình với nhau, bà mong muốn các con hàn gắn nên không có yêu cầu trả nợ trong vụ án ly hôn này, nếu có phát sinh tranh chấp bà sẽ khởi kiện thành vụ án khác.

- Ông **Phạm Văn S** trình bày: Ông là anh ruột của ông **Phạm Văn R** và bà **Ngô Thị N**. Vào năm 2020 vợ chồng ông **R** và bà **N** có vay của ông số tiền 100.000.0000 đồng. Khi cho vay hai bên không có lập biên nhận, mục đích vay để vợ chồng ông **R**, bà **N** mua đất canh tác. Do là người thân trong gia đình nên ông không có yêu cầu trả nợ trong vụ án ly hôn này, nếu có phát sinh tranh chấp sẽ khởi kiện thành vụ án khác.

- Tại phiên tòa sơ thẩm: Nguyên đơn bà **N** giữ nguyên yêu cầu xin ly hôn; bị đơn ông **R** không đồng ý ly hôn.

- Ý kiến của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Vị Thanh phát biểu: Về tố tụng; Thẩm phán, Hội thẩm nhân dân, Thư ký phiên tòa và những người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án, kể từ lúc thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án là tuân thủ đúng pháp luật tố tụng dân sự. Về nội dung giải quyết vụ án, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của bà **N**; về con chung theo nguyện vọng của cháu **M** giao cho ông **R** nuôi dưỡng; đình chỉ xem xét giải quyết về chia tài sản khi ly hôn; về nợ chung không xem xét giải quyết. Về án phí, nguyên đơn bà **N** phải chịu theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng: Bà **Ngô Thị N** khởi kiện ông **Phạm Văn R** có địa chỉ cư trú tại **khu V, phường I, thành phố V, tỉnh Hậu Giang**; bà **N** yêu cầu Tòa án giải quyết cho bà và ông **R** ly hôn, nuôi con, chia tài sản khi ly hôn và nợ chung, nên Tòa án xác định quan hệ pháp luật tranh chấp là “Ly hôn, nuôi con, chia tài sản khi ly hôn và hợp đồng vay tài sản” thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Vị Thanh theo khoản 3 Điều 26 và khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ Luật tố tụng dân sự.

Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan bà **T**, ông **S** xin vắng mặt hoặc đã được triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt, nên Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự theo quy định tại **Điều 228** của Bộ Luật Tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung tranh chấp:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Bà **N** và ông **R** kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường V, **thị xã V (nay là thành phố V), tỉnh Hậu Giang** vào ngày 17 tháng 06 năm 2005 đúng theo quy định của pháp luật, nên

quan hệ hôn nhân có giá trị pháp lý. Sau khi kết hôn, thời gian đầu vợ chồng chung sống hạnh phúc nhưng về sau thì phát sinh nhiều mâu thuẫn. Về nguyên nhân mâu thuẫn, bà **N** cho rằng do bất đồng quan điểm sống, không thể hòa hợp, vợ chồng thường xuyên cự cãi, ông **R** thường xuyên nhậu nhẹt; còn bị đơn ông **R** cho rằng vợ chồng chỉ phát sinh mâu thuẫn nhỏ, ông đồng ý tha thứ cho bà **N** để vợ chồng hàn gắn.

Hội đồng xét xử xét thấy, mâu thuẫn vợ chồng bà **N**, ông **R** đã phát sinh nhiều lần, không thể tự hàn gắn; Tòa án đã tiến hành hòa giải hàn gắn nhưng không thành và tại phiên tòa bà **N** kiên quyết ly hôn. Do đó, mục đích hôn nhân không đạt được, cuộc sống chung không thể kéo dài nên chấp nhận cho bà **N** ly hôn ông **R** là có căn cứ và đúng quy định tại Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình.

[2.2] Về con chung: Có 02 con chung **Phạm Ngọc D** (giới tính: Nữ), sinh ngày 27/4/2005 (đã trưởng thành) và **Phạm Quốc M** (giới tính: Nam), sinh ngày 27/8/2011. Bà **N** và ông **R** thống nhất con theo ai thì người đó nuôi dưỡng.

Xét, cháu **Phạm Ngọc D** đã trưởng thành và **Phạm Quốc M** có nguyện vọng sống với cha (ông **R**). Nên Hội đồng xét xử quyết định giao cháu **M** cho ông **R** tiếp tục nuôi dưỡng sau khi ly hôn. Dành quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung cho bà **N** không ai được quyền cản trở.

Về nghĩa vụ cấp dưỡng: Ông **R** không yêu cầu, nên không xem xét giải quyết.

[2.3] Về tài sản chung: Tại đơn rút một phần yêu cầu khởi kiện ngày 15/11/2023, bà **N** rút lại toàn bộ yêu cầu chia tài sản chung, vợ chồng sẽ tự thỏa thuận với nhau, không yêu cầu Tòa án giải quyết. Xét, việc rút yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà **N** là tự nguyện và không trái với quy định của pháp luật, nên Hội đồng xét xử đình chỉ xem xét giải quyết đối với yêu cầu chia tài sản khi ly hôn.

[2.3] Về tranh chấp hợp đồng vay tài sản (nợ chung): Bà **N** và ông **R** thống nhất có nợ của bà **Huỳnh Thị T** số tiền 200.000.000 đồng và 10 chỉ vàng 24k loại 9999 và của ông **Phạm Văn S** số tiền 100.000.000 đồng. Tòa án đã tiến hành lấy ý kiến của bà **T** và ông **S** thể hiện: Ông, bà thống nhất có cho vợ chồng bà **N**, ông **R** vay số tiền, vàng như trên. Tuy nhiên, ông, bà không có yêu cầu trả nợ trong cùng vụ án ly hôn, các đương sự sẽ tự thỏa thuận với nhau, nếu có phát sinh tranh chấp sẽ khởi kiện thành vụ án khác, nên Tòa án không xem xét giải quyết.

Từ những căn cứ trên và đề nghị của đại diện của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Vị Thanh; chấp nhận yêu cầu khởi kiện ly hôn của nguyên đơn bà **N**; về con chung giao cho ông **R** nuôi dưỡng; đình chỉ xem xét giải quyết yêu cầu chia tài sản khi ly hôn; tranh chấp hợp đồng vay tài sản (nợ chung) không xem xét giải quyết.

[3] Án phí dân sự sơ thẩm: Nguyên đơn bà **N** phải chịu số tiền 300.000 đồng, được chuyển tiền tạm ứng án phí số tiền 4.130.000 đồng theo Phiếu thu số **PT2023/1304** ngày 04/10/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Vị Thanh thành án phí, bà **N** được nhận lại số tiền 3.830.000 đồng tại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Vị Thanh.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 3 Điều 26, khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 144, Điều 147, Điều 228, Điều 244, Điều 271, Điều 272, Điều 273 của Bộ Luật tố tụng dân sự;

Các Điều 51, 56, 58, 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và gia đình;

Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án và Danh mục mức án phí, lệ phí Tòa án kèm theo Nghị quyết.

Tuyên xir:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện ly hôn của nguyên đơn bà Ngô Thị N. Về quan hệ hôn nhân: Bà Ngô Thị Ngọc ly h với ông Phạm Văn R.

2. Về con chung: Giao con chung Phạm Quốc M (giới tính: Nam), sinh ngày 27/8/2011 cho ông Phạm Văn R nuôi dưỡng sau khi ly hôn. Dành quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung cho bà Ngô Thị N không ai được quyền cản trở.

3. Về nghĩa vụ cấp dưỡng: Không yêu cầu, không xem xét giải quyết.

4. Về chia tài sản khi ly hôn: Đình chỉ xem xét giải quyết đối với yêu cầu chia tài sản khi ly hôn của bà Ngô Thị N.

5. Về tranh chấp hợp đồng vay tài sản (nợ chung): Không xem xét giải quyết.

6. Án phí dân sự sơ thẩm: Nguyên đơn bà Ngô Thị N phải chịu số tiền 300.000đồng (ba trăm nghìn đồng), được chuyển tiền tạm ứng án phí số tiền 4.130.000đồng (bốn triệu một trăm ba mươi nghìn đồng) theo Phiếu thu số PT2023/1304 ngày 04/10/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Vị Thanh thành án phí, bà Ngô Thị N được nhận lại số tiền 3.830.000đồng (ba triệu tám trăm ba mươi nghìn đồng).

7. Quyền kháng cáo: Nguyên đơn bà Ngô Thị N và ông Phạm Văn R được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan bà Huỳnh Thị T và ông Phạm Văn S vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tổng đạt, niêm yết hợp lệ.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

Nơi nhận:

- Đương sự;
- VKSND Tp Vị Thanh;
- Cơ quan THADS Tp Vị Thanh;
- UBND phường V, Tp Vị Thanh;
- Lưu VT, hồ sơ vụ án.

Trần Thị P